

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

---oOo---

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/TTP/2018

I./ Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

- Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM**
- Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028-38277100 Fax:
- Email:
- Mã số doanh nghiệp: 0302803331
- Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng.

II./ Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TBA)

2. Thành phần:

- Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp
- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
 - Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
 - Lớp thứ 3: nhựa
 - Lớp thứ 4: màng nhôm
 - Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): lớp nhựa PE

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong thùng carton đảm bảo an toàn thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế
- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên nhà sản xuất: TETRAPAK JURONG Pte Ltd
- Địa chỉ nhà sản xuất: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE



III./ Mẫu nhãn sản phẩm:

- Nhãn gốc và hình sản phẩm:



Tetra Pak®		Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa		Pallet Number / Pa-lét số	
(SP) TBA200S VNM FLEX NO LACTOSE				1	
Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa		Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất		EAN	
DVN-D410 -01		P531-0740159		893467351434	
Vinamilk - Trương Thọ Factory				Trong không	
				0	
				Global Id	
				928947415	
				TBA/jl	
Pallet Contents / Pa-lét gồm		Country Code		Content	
8-0001 / 17000		115		97329005029073	
6-0001 / 17000				SSCC	
4-0001 / 17000				373295307401590019	
2-0001 / 17000				Batch / Lô sản xuất	
9-0001 / 17000				0740159001	
7-0001 / 17000				Customer Part Number	
5-0001 / 17000				R4LL10	
		Made in / Sản xuất tại (Singapore) Nhà nhập khẩu: CTCP Tetra Pak Việt Nam Hướng dẫn sử dụng và Thông số kỹ thuật: Xem tài liệu đính kèm		Count / Số hộp	
				07	
				V count/box tương ứng	
				119000	
				Print Date DD.MM.YY / Ngày sản xuất	
				13.08.18	
				Best Before DD.MM.YY / Hạn sử dụng	
				12.08.19	

5310074015900011190000

(02)97329005029073(11)180813(37)07(241)R4LL10

(00)373295307401590019(30)119000(10)0740159001

- Nội dung nhãn phụ sản phẩm:

Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TBA)

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): lớp nhựa PE

Kích thước sản phẩm: Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài. Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

Hướng dẫn bảo quản:

- + Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp
- + Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên vật liệu khác
- + Các cuộn bao bì phải được đặt trên pallet và các pallet phải đặt cách tường ít nhất 100mm.
- + Pallet có thể chất tối đa 3 lớp.
- + Các bao bì dùng dở phải được bao bọc kỹ và dán nhãn rõ ràng
- + Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ 10 độC -40 độC.

Ngày sản xuất: xem “Pro.date” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Hạn sử dụng: xem “Best before” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Xuất xứ: Singapore

Nhà sản xuất: TETRAPAK JURONG Pte Ltd

Địa chỉ: 19GUL LANE, SINGAPORE CITY, SINGAPORE 629414, SINGAPORE

Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM, địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028-38277100

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1 : 2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Giới hạn công bố các chỉ tiêu an toàn thực phẩm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadimi	µg/g	≤ 100
2	Hàm lượng Chì	µg/g	≤ 100
3	Lượng KMnO ₄ sử dụng với dung dịch ngâm thôi là nước ở nhiệt độ 60°C trong 30 phút	µg/ml	≤ 10
4	Hàm lượng kim loại nặng, với dung dịch ngâm thôi là Acid Acetic 4% ở nhiệt độ 60°C trong 30 phút	µg/ml	≤ 1
5	Hàm lượng cặn khô với dung dịch ngâm thôi là nước ở nhiệt độ 60°C trong 30 phút	µg/ml	≤ 30
6	Hàm lượng cặn khô với dung dịch ngâm thôi là Heptan ở nhiệt độ 25°C trong 60 phút	µg/ml	≤ 30
7	Hàm lượng cặn khô với dung dịch ngâm thôi là Acid Acetic 4% ở 60°C trong 30 phút	µg/ml	≤ 30

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2018

Đại diện công ty



Nguyễn Thị Ngọc Trinh

NG
H.

Số: 2295a/N3.18/ĐG

Ngày: 04/10/2018

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Người yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt nam.
2. Tên mẫu (theo khai báo): Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TBA).
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu: 26/09/2018
5. Căn cứ giám định :

QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa (mặt tiếp xúc với thực phẩm)	Polyethylene	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5.
6.3	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g		
	• Chì (Pb)	< 5	100
	• Cadimi (Cd)	< 5	
6.4	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL		
	• Trong nước cất, 60°C, 30 phút	< 5	30
	• Trong axit axetic 4 %, 60°C, 30 phút	< 5	
	• Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 5	
6.5	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	1
6.6	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, µg/mL	< 1	10

7. Kết luận: Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với tấm giấy phức hợp (bề mặt tiếp xúc với thực phẩm là màng nhựa tổng hợp) tiếp xúc với các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị số mẫu nêu trên

GIÁM ĐỊNH VIỆN



Phạm Thị Vân Giang

Hà Đức Cường



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Văn Sùng